

## **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á**

Các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt theo  
các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán  
các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á và các công ty con

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT	
Báo cáo kiểm toán độc lập	1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt	2 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt	5



Số tham chiếu: 60752831/14366803

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**  
**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("Ngân hàng") và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam mà từ đó bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt kèm theo (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt") từ trang 2 đến trang 5 đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi được lập vào ngày 22 tháng 2 năm 2011 đã đưa ra ý kiến là các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã phù hợp, nhất quán với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra và chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đó.

Để có thể hiểu sâu sắc hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất năm mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần tương ứng.



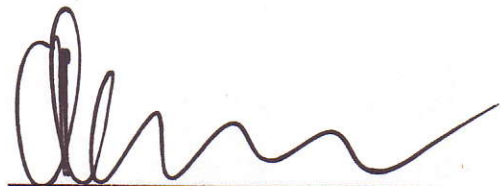
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0264/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2011



Nguyễn Xuân Đại  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0452/KTV



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: triệu VNĐ

	31/12/2010	31/12/2009
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>6.673.308</b>	<b>2.615.111</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>1.354.420</b>	<b>1.230.380</b>
<b>Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>	<b>3.349.120</b>	<b>939.034</b>
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	3.234.755	607.097
Cho vay các TCTD khác	115.229	331.937
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(864)	-
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>1.305.870</b>	<b>386.730</b>
Chứng khoán kinh doanh	1.323.363	428.504
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(17.493)	(41.774)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	-	-
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>37.874.325</b>	<b>34.010.811</b>
Cho vay khách hàng	38.320.847	34.355.544
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(446.522)	(344.733)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>1.827.535</b>	<b>359.201</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.839.910	350.868
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	8.333
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(12.375)	-
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>603.198</b>	<b>711.110</b>
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	614.144	740.493
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.946)	(29.383)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>940.622</b>	<b>793.784</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>676.363</i>	<i>574.915</i>
Nguyên giá tài sản cố định	1.078.839	868.155
Hao mòn tài sản cố định	(402.476)	(293.240)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>264.259</i>	<i>218.869</i>
Nguyên giá tài sản cố định	295.187	237.089
Hao mòn tài sản cố định	(30.928)	(18.220)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
<b>Tài sản có khác</b>	<b>1.944.686</b>	<b>1.474.241</b>
Các khoản phải thu	503.003	582.982
Các khoản lãi, phí phải thu	430.732	172.133
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.668	-
Tài sản có khác	1.009.283	719.126
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>55.873.084</b>	<b>42.520.402</b>





# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: triệu VND

31/12/2009  
31/12/2010 (trình bày lại)

	31/12/2009	31/12/2010
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>700.000</b>	<b>19</b>
<b>Tiền gửi và vay từ các TCTD khác</b>	<b>4.173.835</b>	<b>4.767.739</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	3.510.681	4.545.991
Vay các TCTD khác	663.154	221.748
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>31.417.279</b>	<b>27.973.540</b>
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng chịu rủi ro</b>	<b>310.288</b>	<b>291.047</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>11.154.737</b>	<b>3.682.086</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>2.696.662</b>	<b>1.629.582</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	447.812	337.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	19.131
Các khoản phải trả và công nợ khác	2.223.018	1.273.147
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	25.832	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>50.452.801</b>	<b>38.344.013</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>Vốn và các quỹ</b>		
<b>Vốn của TCTD</b>	<b>4.500.583</b>	<b>3.400.553</b>
Vốn điều lệ	4.500.000	3.400.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	583	553
<b>Quỹ của TCTD</b>	<b>267.204</b>	<b>175.004</b>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	652.496	600.832
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>5.420.283</b>	<b>4.176.389</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>55.873.084</b>	<b>42.520.402</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á và các công ty con

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: triệu VNĐ	
	31/12/2010	31/12/2009
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>3.444.330</b>	<b>3.226.858</b>
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	2.261.003	2.275.911
Bảo lãnh khác	1.183.327	950.947
<b>Các cam kết đưa ra</b>	-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
Cam kết khác	-	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.444.330</b>	<b>3.226.858</b>
Trừ: tiền gửi ký quỹ	(353.682)	(402.678)
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.090.648</b>	<b>2.824.180</b>

Người lập:



Bà Đặng Bội Quỳnh  
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2011



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	ĐVT: triệu VNĐ	
	Năm 2010	Năm 2009
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.508.605	3.325.056
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	<u>(3.134.577)</u>	<u>(2.218.224)</u>
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>1.374.028</b>	<b>1.106.832</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	405.432	272.570
Chi phí hoạt động dịch vụ	<u>(66.062)</u>	<u>(52.858)</u>
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>339.370</b>	<b>219.712</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>11.438</b>	<b>262.492</b>
<b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>(17.003)</b>	<b>4.916</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>58.687</b>	<b>64.690</b>
Thu nhập từ hoạt động khác	154.503	4.013
Chi phí hoạt động khác	<u>(4.656)</u>	<u>(226)</u>
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>149.847</b>	<b>3.787</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>13.306</b>	<b>1.152</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>1.929.673</b>	<b>1.663.581</b>
Chi phí tiền lương	(353.344)	(280.770)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(124.549)	(110.703)
Chi phí hoạt động khác	<u>(454.282)</u>	<u>(337.504)</u>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(932.175)</b>	<b>(728.977)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>997.498</b>	<b>934.604</b>
<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(139.984)</b>	<b>(146.848)</b>
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>857.514</b>	<b>787.756</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(218.985)	(170.388)
	<u>20.799</u>	<u>(29.720)</u>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(198.186)</b>	<b>(200.108)</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>659.328</b>	<b>587.648</b>
<i>Phân bổ cho:</i>		
- Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Ngân hàng	659.328	587.648
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)</b>	<b>1.932</b>	<b>1.914</b>

Người lập:



Bà Đặng Bội Quỳnh  
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt:



Bà Võ Thị Kim Anh  
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:



Ông Trần Phương Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 2 năm 2011